
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET (VIỆT NAM)
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ IV/2012

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET (VIỆT NAM)

91 Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 14

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET (VIỆT NAM)91 Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 01-CTCK

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		299.730.703.136	298.077.631.278
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	225.995.738.453	268.941.933.649
1. Tiền	111		34.495.738.453	48.941.933.649
2. Các khoản tương đương tiền	112		191.500.000.000	220.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	57.810.866.248	699.964.923
1. Đầu tư ngắn hạn	121		57.869.873.408	699.964.923
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(59.007.160)	-
III. Các khoản phải thu	130		15.253.501.812	7.157.350.581
1. Phải thu khách hàng	131		3.989.832.472	-
2. Trả trước cho người bán	132		80.672.979	2.071.499.788
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		8.768.065.845	9.300.003
4. Các khoản phải thu khác	138	6	2.414.930.516	5.076.550.790
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		670.596.623	21.278.382.125
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		600.096.624	794.377.769
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	3.614.260
3. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	157		-	20.000.020.820
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		70.499.999	480.369.276
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.358.982.394	7.092.299.175
I. Tài sản cố định	220		5.965.528.067	2.498.845.330
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	1.854.560.611	1.273.341.152
- Nguyên giá	222		13.742.907.784	9.566.166.148
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.888.347.173)	(8.292.824.996)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	8	-	258.749.036
- Nguyên giá	225		-	2.483.990.909
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(2.225.241.873)
3. Tài sản cố định vô hình	227	9	4.110.967.456	966.755.142
- Nguyên giá	228		10.723.811.049	6.583.348.498
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.612.843.593)	(5.616.593.356)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		572.618.000	572.618.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	10	572.618.000	572.618.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		3.820.836.327	4.020.835.845
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.893.853.774	2.248.310.525
2. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263		408.599.012	360.165.055
3. Tài sản dài hạn khác	268	11	1.518.383.541	1.412.360.265
TỔNG TÀI SẢN	270		310.089.685.530	305.169.930.453

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 01-CTCK
Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		35.495.573.585	30.813.320.853
I. Nợ ngắn hạn	310		35.435.686.585	30.813.320.853
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	400.576.281
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	550.738.301	334.425.886
4. Chi phí phải trả	316	13	1.589.852.577	1.415.393.847
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		339.868.997	488.213.686
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	14	32.955.226.710	28.174.711.153
II. Nợ dài hạn	330		59.887.000	-
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		59.887.000	-
B. VỐN GÓP CỔ ĐÔNG	400		274.594.111.945	274.356.609.600
I. Vốn góp cổ đông	410	15	274.594.111.945	274.356.609.600
1. Vốn điều lệ	411		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	418		11.875.117	-
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		11.875.117	-
4. Lỗ lũy kế	420		(25.429.638.289)	(25.643.390.400)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		310.089.685.530	305.169.930.453

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET (VIỆT NAM)91 Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Các chỉ tiêu ngoại bảng			
6. Chứng khoán lưu ký	006	5.200.778.680.000	886.060.350.000
<i>6.1. Chứng khoán giao dịch</i>	007	5.189.783.290.000	799.658.060.000
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	187.680.000	21.231.140.000
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	175.014.850.000	123.583.330.000
6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	5.014.580.760.000	654.843.590.000
<i>6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</i>	012	5.486.760.000	91.800.000
6.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	014	50.000	-
6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	561.910.000	91.800.000
6.2.3. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	014	4.924.800.000	-
<i>6.5. Chứng khoán chờ thanh toán</i>	027	4.325.400.000	1.091.600.000
6.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	-	190.000.000
6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	4.192.100.000	703.000.000
6.5.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030	133.300.000	198.600.000
<i>6.7. Chứng khoán chờ giao dịch</i>	037	1.183.230.000	85.218.890.000
6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	117.3420.000	3.990.130.000
6.7.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040	9.810.000	81.228.760.000
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	33.000.000	-
<i>7.1. Chứng khoán giao dịch</i>	051	33.000.000	-
7.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	33.000.000	-



Woo Young Ki
Giám đốc điều hành
Ngày 14 tháng 1 năm 2013

Đỗ Thúy Quỳnh
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET (VIỆT NAM)91 Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ 01/10/2012 đến 31/12/2012

MẪU B 02-CTCK

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/10/2012	Từ 01/10/2011	Năm 2012	Năm 2011
			Đến 31/12/2012	Đến 31/12/2011		
1. Doanh thu gộp	01		10.470.185.897	12.235.641.828	45.953.633.711	41.238.583.816
Trong đó:						
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán			743.639.960	1.150.766.729	12.159.166.256	2.784.297.151
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán			1.389.900	34.496.800	19.464.145	39.940.330
- Doanh thu hoạt động tư vấn			3.616.868.182	-	3.834.182.727	-
- Doanh thu khác			6.108.287.855	11.050.378.299	29.940.820.583	38.414.346.335
2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		10.470.185.897	12.235.641.828	45.953.633.711	41.238.583.816
3. Chi phí hoạt động kinh doanh	11		6.465.812.793	6.485.570.160	27.542.347.672	29.521.823.510
4. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	20		4.004.373.104	5.750.071.668	18.411.286.039	11.716.760.306
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.067.093.684	3.946.360.510	17.806.845.751	18.426.439.168
6. (Lỗ)/lãi thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(62.720.580)	1.803.711.158	604.440.288	(6.709.678.862)
7. Thu nhập khác	31		885.524	8.558	1.118.585	154.967.126
8. Chi phí khác	32		(119.577.527)	(6.869.132)	(214.535.644)	(6.869.620)
9. (Lỗ)/Lợi nhuận khác	40		(118.692.003)	(6.860.574)	(213.417.059)	148.097.506
10. (Lỗ)/lãi kế toán trước thuế	50		(181.412.583)	1.796.850.584	391.023.229	(6.561.581.356)
11. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	16	(153.520.884)	-	(153.520.884)	-
12. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		-	-	-	-
13. (Lỗ)/lãi sau thuế	60		(334.933.467)	1.796.850.584	237.502.345	(6.561.581.356)



Woo Young Ki
Giám đốc điều hành
Ngày 14 tháng 1 năm 2013

Đỗ Thúy Quỳnh
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Từ 1/1/2012 đến 31/12/2012

MẪU B 03-CTCK
Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận/ (lỗ) trước thuế	01		391.023.229	(6.561.581.356)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		2.366.530.541	4.615.509.686
- Các khoản dự phòng	03		59.007.160	-
- Cênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04		-	(2.508.368.623)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(28.658.627.467)	(38.414.346.335)
- Chi phí lãi vay	06		-	143.309.625
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(25.842.066.537)	(42.725.477.003)
- Tăng các khoản phải thu	09		(10.142.847.149)	(1.892.525.121)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		5.082.829.013	(20.024.806.033)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		548.737.896	(1.574.074.281)
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	(143.309.625)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(153.520.884)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh	20		(30.506.867.661)	(66.360.192.063)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.833.213.278)	(342.810.878)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(57.169.908.485)	(20.000.020.820)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		20.000.020.820	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(585.672.373)
7. Tiền thu lãi tiền gửi	27		30.964.349.689	35.675.740.780
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(12.038.751.254)	14.747.236.709
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(400.576.281)	(644.866.291)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(400.576.281)	(644.866.291)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(42.946.195.196)	(52.257.821.645)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		268.941.933.649	318.691.386.671
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá	61		-	2.508.368.623
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		225.995.738.453	268.941.933.649



Woo Young Ki
 Giám đốc điều hành
 Ngày 14 tháng 1 năm 2013

Đỗ Thúy Quỳnh
 Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset) (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 73/UBCK-GP ngày 18 tháng 12 năm 2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 1/10/2012 đến ngày 31/12/2012 cho mục đích báo cáo Quý.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Phương tiện vận tải	4
Thiết bị văn phòng	4
Phần mềm	3-4

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị nội thất văn phòng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET (VIỆT NAM)91 Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tiền mặt	768.996.500	8.321.500
Tiền gửi ngân hàng	33.726.741.953	48.933.612.149
<i>Trong đó: Tiền của nhà đầu tư</i>	<i>32.955.226.710</i>	<i>28.174.711.153</i>
Các khoản tương đương tiền	191.500.000.000	220.000.000.000
	<u>225.995.738.453</u>	<u>268.941.933.649</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tiền gửi Ngân hàng có thời gian đáo hạn trên 3 tháng	57.600.000.000	-
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	269.873.408	699.964.923
Dự phòng đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(59.007.160)	-
	<u>57.810.866.248</u>	<u>699.964.923</u>

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Các khoản lãi cộng dồn dự thu	2.306.000.000	4.611.722.222
Khác	108.930.516	464.828.568
	<u>2.414.930.516</u>	<u>5.076.550.790</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET (VIỆT NAM)91 Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2012	1.971.878.450	7.594.287.698	9.566.166.148
Tăng	-	1.692.750.727	1.692.750.727
Chuyển từ TSCĐ thuê tài chính	2.483.990.909	-	2.483.990.909
Giảm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2012	<u>4.455.869.359</u>	<u>9.287.038.425</u>	<u>13.742.907.784</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2012	1.844.838.580	6.447.986.416	8.292.824.996
Khấu hao trong năm	127.039.870	984.491.398	1.111.531.268
Khấu hao TSCĐ thuê tài chính	2.483.990.909	-	2.483.990.909
Tại ngày 31/12/2012	<u>4.455.869.359</u>	<u>7.432.477.814</u>	<u>11.888.347.173</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2012	<u>127.039.870</u>	<u>1.146.301.282</u>	<u>1.273.341.152</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>-</u>	<u>1.854.560.611</u>	<u>1.854.560.611</u>

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Phương tiện vận tải VNĐ
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2012	2.483.990.909
Chuyển từ sang TSCĐ	(2.483.990.909)
Tại ngày 31/12/2012	<u>-</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2012	2.225.241.873
Khấu hao trong năm	258.749.036
Chuyển từ sang TSCĐ	(2.483.990.909)
Tại ngày 31/12/2012	<u>-</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2012	258.749.036
Tại ngày 31/12/2012	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET (VIỆT NAM)91 Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm
	VNĐ
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2012	6.583.348.498
Tăng	4.140.462.551
Tại ngày 31/12/2012	<u>10.723.811.049</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2012	5.616.593.356
Khấu hao trong năm	996.250.237
Tại ngày 31/12/2012	<u>6.612.843.593</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2012	<u>966.755.142</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>4.110.967.456</u>

10. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào Công ty TNHH Mirae Asset Realty (Việt Nam), một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 411022000515 do Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 4 năm 2010. Giá gốc của khoản đầu tư là 572.618.000 đồng chiếm 14,99% vốn điều lệ cũng như quyền biểu quyết trong Công ty này. Khoản đầu tư này được hạch toán trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

11. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VNĐ	VNĐ
Đặt cọc thuê văn phòng	1.518.383.541	1.153.160.265
Đặt cọc tài sản thuê tài chính	-	259.200.000
	<u>1.518.383.541</u>	<u>1.412.360.265</u>

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	31/12/2011
	VNĐ	VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp thu hộ	5.576.305	28.299.774
Thuế thu nhập cá nhân	267.097.926	301.821.927
Thuế thu nhập cá nhân đối với kinh doanh chứng khoán	4.772.362	3.567.557
Thuế GTGT	271.001.827	-
Thuế khác	2.289.881	736.628
	<u>550.738.301</u>	<u>334.425.886</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET (VIỆT NAM)91 Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lương tháng 13 cho nhân viên	984.335.873	1.107.105.000
Phí kiểm toán	153.800.000	111.631.680
Phí giao dịch chứng khoán	314.846.660	77.110.714
Khác	136.870.044	119.546.453
	<u>1.589.852.577</u>	<u>1.415.393.847</u>

14. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán thể hiện khoản tiền gửi của khách hàng cho việc kinh doanh chứng khoán thông qua tài khoản ngân hàng của Công ty.

15. VỐN GÓP CỔ ĐÔNG**Thay đổi trong vốn góp cổ đông**

	Vốn điều lệ	Lỗi lũy kế	Khác	Cộng
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Số dư tại ngày 01/01/2011	300.000.000.000	(19.081.809.044)	-	280.918.190.956
Lỗi trong kỳ	-	(6.561.581.356)	-	(6.561.581.356)
Số dư tại ngày 31/12/2011	<u>300.000.000.000</u>	<u>(25.643.390.400)</u>	<u>-</u>	<u>274.356.609.600</u>
Lợi nhuận trong năm	-	237.502.345	-	237.502.345
Trích lập quỹ	-	(23.750.234)	23.750.234	-
Số dư tại ngày 31/12/2012	<u>300.000.000.000</u>	<u>(25.429.638.289)</u>	<u>23.750.234</u>	<u>274.594.111.945</u>

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, tổng vốn điều lệ và vốn đầu tư của Công ty là 300.000.000.000 đồng. Vốn điều lệ của Công ty đã được góp đủ như sau:

	31/12/2012		31/12/2011	
	<u>VNĐ</u>	<u>%</u>	<u>VNĐ</u>	<u>%</u>
Mirae Asset Securities (HK) Limited	147.000.000.000	49,0	147.000.000.000	49,0
P/E Investment Construction Joint Stock Company	135.900.000.000	45,3	135.900.000.000	45,3
Khác	17.100.000.000	5,7	17.100.000.000	5,7
	<u>300.000.000.000</u>	<u>100,0</u>	<u>300.000.000.000</u>	<u>100,0</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET (VIỆT NAM)91 Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***16. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/10/2012 Đến 31/12/2012 VNĐ	Từ 01/10/2011 Đến 31/12/2011 VNĐ
(Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	(181.412.583)	1.796.850.584
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	6.932.000	8.060.955
Lỗi mang sang	(22.416.865.779)	(25.089.257.758)
Lỗ trước thuế	(22.591.346.362)	(23.284.346.219)
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế	-	-
Dự phòng thiếu của năm trước	153.520.884	-
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	153.520.884	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ do Công ty không có thu nhập chịu thuế.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 22.591.346.362 đồng (tại 31/12/2011: 23.284.346.219 đồng) có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận chịu thuế trong tương lai. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ trên do Công ty không chắc chắn có đủ lợi nhuận trong tương lai. Khoản lỗ này sẽ được mang sang trong vòng 5 năm kể từ năm phát sinh.



Woo Young Ki
Giám đốc điều hành
Ngày 14 tháng 1 năm 2013

Đỗ Thúy Quỳnh
Kế toán trưởng